

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 127/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17/9/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.*

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Anh Dũng;

2. Bà Trần Thị Cúc;

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 216/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị P, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 14/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Văn P1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên xảy ra cự cãi. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Hiện chị và anh P1 đã sống ly thân nhau gần 04 năm. Nhận thấy mâu

thuần vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Văn P1;

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/02/2006 hiện đang sống chung với anh P1. Khi ly hôn chị P đồng ý giao con chung cho anh P1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng,

- Về cấp dưỡng: Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh P1 vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy chị P và anh P1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, chị P xin ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ‘Tranh chấp ly hôn’ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Tại phiên tòa chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị P, anh P1 không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân gần 04 năm nay. Tại phiên tòa chị P cương quyết xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để hàn gắn mâu thuẫn cho các bên nhưng anh P1 vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

3.2. Về con chung: Xét thấy con chung đang sống chung với anh P1, hiện tại cuộc sống sinh hoạt đã ổn định, chị P đồng ý tiếp tục để anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

3.3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị P.

1. Về hôn nhân: Cho chị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn P1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh T sinh ngày 26/02/2006 cho anh P1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005368 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị P phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Hà Văn Phúc**